**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ CÀ MAU**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2017/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 9 - 2017
"V/v xin ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung*

*Các Hội thẩm: Ông Nguyễn Hoàng Kha*

*Ông Nguyễn Văn Chiến*

*- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.*

*Trong ngày 13/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 604/2017/TLST-HNGĐ ngày 31/7/2017 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 667/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự.*

*1/ Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L** – sinh năm 1981 (có mặt)*

*Trú tại: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau*

*2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M** - sinh năm 1979 (vắng mặt)*

*Trú tại: Ấp C, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Chị Phạm Thị L trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Chị và M tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, đến tháng 4 năm 2017 đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh M không lo làm ăn, hay nhậu, không quan tâm chăm sóc vợ con. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Thị Yến N (nữ) – sinh ngày 04/5/2002. Hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi dạy con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ lại.

** Tại bản tự khai ngày 25/8/2017 anh Nguyễn Văn M trình bày:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng, chị L yêu cầu ly hôn với anh nên anh đồng ý. Anh đồng ý giao con cho chị L nuôi dạy, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

**NHẬN ĐNH CỦA TÒA ÁN**:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh M tự nguyện chung sống với nhau năm 2001 nhưng đến tháng 4 năm 2017 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Thời gian chung sống cùng nhau, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị cùng xác định không thể chung sống cùng nhau, do đó chị L yêu cầu ly hôn với anh M, anh M đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị L nên ngày 25/8/2017 anh M có nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đối với anh. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L anh M như anh chị xác định là thật sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc ly hôn với anh M.

[3] Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Thị Yến N (nữ) – sinh ngày 04/5/2002. Hiện con đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi dạy con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 25/8/2017 anh Nguyễn Văn M anh M đồng ý theo yêu cầu của chị L. Theo biên bản ghi nhận ý kiến Nguyễn Thị Yến N thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị L sau khi anh chị ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao Nguyễn Thị Yến N cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Anh M không cấp dưỡng nuôi Nguyễn Thị Yến N nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do chị L anh M tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh chị trình bày không có nên không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị L phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Anh M có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh M.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn M.

Áp dụng các  56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

Hôn nhân: Chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Con chung: Giao con tên Nguyễn Thị Yến N (nữ) – sinh ngày 04/5/2002 hiện đang sống với chị L cho chị L tiếp tục nuôi dạy. Anh M không cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 31/7/2017 chị L đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 3484 nên được chuyển thu án phí.

Aùn xử sơ thẩm, chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự".*

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND xã Định Bình, tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đã ký

**Phạm Việt Trung**